TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 99 /2019/QĐST-DS	*Trà Ôn, ngày 03 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 23/8/2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 141/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1970

Địa chỉ: ấp S, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* 1. Bà Dương Hồng T1, sinh năm 1957.

2. Ông Phạm Minh C, sinh năm 1960

Cùng địa chỉ: ấp S, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bị đơn bà Dương Hồng T1 và ông Phạm Minh C có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Lê Thị H số tiền hụi vốn là 25.710.000đ *(Hai mươi lăm triệu bảy trăm mười nghìn đồng)*.

Kể từ ngày bà Lê Thị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Dương Hồng T1 và ông Phạm Minh C chưa thực hiện xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Trả lại cho nguyên đơn bà Lê Thị H số tiền 780.800đ *(Bảy trăm tám mươi nghìn tám trăm đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015450 ngày 21/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Ôn.

Bị đơn bà Dương Hồng T1 và ông Phạm Minh C có nghĩa vụ nộp số tiền 642.750đ (*Sáu trăm bốn mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi đồng*). Ông C, bà T1 có đơn xin miễn án phí do ông, bà thuộc diện người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội nên bà T1 được miễn phần bà T1 có nghĩa vụ nộp nhưng ông C không thuộc trường hợp được miễn nên ông C có nghĩa vụ nộp 321.375đ (*Ba trăm hai mươi mốt nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga